TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q. THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày 17 - 5 - 2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-DS ngày 09/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: K N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: K T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Ngày 22/12/2023, tôi có cho bà Bùi Thị H mượn số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), ngày 13/01/2024 bà H mượn thêm 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đến ngày 07/02/2024 bà H lại tiếp tục mượn tôi 2 chỉ vàng 98, tôi đồng ý trị giá 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Tổng cộng là 84.000.000đ.

Tất cả các Giấy mượn tiền, vàng đều là chữ bà H viết. Trong Giấy mượn tiền ngày 22/12/2023 ghi không có lãi suất, mục đích để giải quyết công việc riêng, thời hạn 03 tháng, sau 90 ngày sẽ hoàn trả đủ số tiền trên. Ngoài ra, bà H có cam kết miệng với tôi khi lấy tiền thì báo trước 10 ngày. Đến nay tôi có báo

trước cho bà H là lấy lại số tiền trên nhưng bà H lại hứa hẹn không chịu trả trả tiền cho tôi, tôi có đến nhà bà H yêu cầu trả nhưng bà H vẫn không chịu trả trả tiền như đã hẹn trong giấy mượn tiền.

Tôi không đồng ý bà H nói có mượn tôi ngày 22/12/2023 là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Mà trước đó bà H có mượn tôi 30.000.000đ, sau đó, ngày 22/12/2023 tôi đưa thêm 30.000.000đ nên bà H viết Giấy mượn tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không có lãi suất như trên. Sau đó mượn thêm 10.000.000đ. Về 2 chỉ vàng 98, tôi đi mượn giùm bà H sau đó tôi tự trả. Tôi có điện nhưng bà H không lên lấy vàng, hôm sau mới lên nhận tiền và viết giấy mượn vàng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị H phải thanh toán cho tôi số tiền 84.000.000đ (T mươi tư triệu đồng) và không tính lãi. Tôi không đồng ý cho bà H trả dần. Tôi không đồng ý những trình bày của bà H về việc trả tiền lãi cho tôi từ tháng 7 đến 12/2023 và bà H không chuyển khoản hay trả tiền mặt cho tôi.

**** Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị H trình bày:***

Tháng 7/2023 tôi có mượn bà Nguyễn Thị L 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) trả lời mỗi tháng 4.500.000đ (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Tôi trả được 02 tháng tiền lãi từ tháng 7 đến 12/2023, tôi vừa chuyển khoản vừa trả tiền mặt, lúc có lúc không. Bà L có tính tiền lãi là 10 triệu đưa 1,5 triệu tiền lãi, say này (từ tháng 01/2024): 10 triệu đưa 1 triệu tiền lãi. Bà L có cầm bản chính căn cước công dân của tôi khi vay lần 30.000.000đ. Từ tháng 01/2024 tôi không trả được tiền lãi nên bà L đồng nào.

Do tình hình làm ăn khó khăn bà L gọi tôi lên bảo viết giấy cộng hết tiền lãi (6 tháng x 4.500.000đ), xuống đập phá xe tôi, đòi đánh tôi do tôi sợ nên tôi ghi giấy ngày 22/12/2023 là mượn 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Đến ngày 13/01/2024 bà L tính thêm tiền lãi, chứ tôi không cầm tiền nên tôi viết mượn thêm 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đến ngày 07/02/2024 tôi ghi mượn 2 chỉ vàng 98, đây cũng là tính tiền lãi, chứ tôi không cầm, lúc mượn bà L bán rồi trừ tiền lời, chứ tôi không cầm và còn lại đưa tôi 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) nhưng giờ tôi đã viết giấy mượn vàng nên tôi vẫn đồng ý trả 14.000.000đ.

Nay, tôi chỉ đồng ý mượn bà L 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 2 chỉ vàng 98, trị giá 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Tổng cộng là 44.000.000đ. Tuy nhiên, tôi không có khả năng trả một lần cho bà L mà xin trả dần. Toàn bộ số tiền bà L ghi cho tôi hàng tháng vẫn lấy tiền lãi.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Bùi Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tổng số tiền tính đến là 84.000.000đ (T mươi tư triệu đồng).

Và tuyên án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Bùi Thị H có địa chỉ tại K T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 22/12/2023, bà Bùi Thị H mượn bà Nguyễn Thị L số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 22/12/2023. Tiếp đó, ngày 13/01/2024 bà H mượn thêm 10.000.000đ (Mười triệu đồng) được ghi chung vào giấy trên. Đến ngày 07/02/2024 bà H tiếp tục ghi thêm giấy mượn bà L 02 chỉ vàng 98; bà L và bà H đều thống nhất 02 chỉ vàng 98 trị giá 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Tổng cộng là 84.000.000đ.

Giấy mượn tiền ngày 22/12/2023 ghi không có lãi suất, mục đích để giải quyết công việc riêng, thời hạn 03 tháng, sau 90 ngày sẽ hoàn trả đủ số tiền trên. Tất cả các Giấy mượn tiền, vàng đều là chữ bà H viết. Ngoài ra, bà H có cam kết miệng với bà L khi lấy tiền thì báo trước 10 ngày.

Như vậy, Giấy vay tiền nêu trên giữa hai bên tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp; hai bên xác định thời hạn trả nợ, không lãi suất nên đây là Hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, không lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Bà H trình bày vào tháng 7/2023 bà H có mượn bà L 30.000.000đ, trả được một vài tháng tiền lãi sau đó không trả được nên bà L yêu cầu, ép buộc bà viết Giấy mượn tiền ngày 22/12/2023 là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) nên bà H

chỉ đồng ý mượn bà L 30.000.000đ; hai lần sau bà đồng ý. Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh giấy tờ mượn 30.000.000đ, trả tiền lãi và việc bà H đe dọa hay ép buộc bà viết Giấy mượn tiền 60.000.000đ nêu trên.

Bà L đã yêu cầu bà H thanh toán số tiền đã mượn tổng cộng 84.000.000đ nhưng bà L chưa trả là vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà H xin trả dần nhưng bà L không đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Bùi Thị H thanh toán cho bà L tổng số tiền 84.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Nguyễn Thị L đối với bà Bùi Thị H.

1. Buộc bà Bùi Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền còn nợ 84.000.000đ (Tám mươi tư triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 4.200.000đ (Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) bà Bùi Thị H phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 2.150.000đ (Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001105 ngày 11/4/2024 và 0001107 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 17/5/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp